

Bản án số: 20/2024/DSST-HNGĐ

Ngày: 11 - 4 - 2024

V/v ly hôn giữa anh C và chị S.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quốc Đâu

2. Ông Trần Đức Hào

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Hội – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 280/2023/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vũ Văn C, sinh năm 1993; Nơi ĐKNKTT: khối Tân Hòa, phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký tạm trú và nơi ở hiện nay: Căn hộ 1503, Tòa nhà CT, T, khối H, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hằng S, sinh năm 1994; Nơi ĐKNKTT: khối Tân Hòa, phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Nơi ở hiện nay: nhà 02, ngách 01, ngõ 08, đường N, khối 16, phường B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Vũ Văn C trình bày: Anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị Hằng S đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Hai bên tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2020 tại UBND phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Su khi kết hôn anh C và chị S chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn nhưng Su đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất

đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã từng được gia đình hai bên hòa giải nhưng không cải thiện được. Trước khi lấy chị S thì giữa anh C và chị Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm 1990, trú tại căn hộ số 1503, Tòa nhà CT, T, khối H, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có quan hệ tình cảm với nhau nhưng Su đó đã chia. Do Su này anh C và chị S phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân nên anh C đã quay lại phát sinh tình cảm với chị T và hiện anh đang đăng ký tạm trú và sinh sống cùng với chị T tại căn hộ của chị T. Giữa anh C và chị T đã có 01 con chung sinh vào ngày 15/5/2023. Anh thừa nhận trong giấy chứng sinh số 22515, quyển số 004/2021 ngày 15/5/2023 của Bệnh viện Sản nhi Nghệ An anh đã đứng tên và là làm thủ tục chứng sinh với tư cách là bố đẻ. Hiện nay, anh vẫn chưa làm Giấy khai sinh cho con chung giữa anh và chị T. Anh biết bản thân đã có lỗi trong mối quan hệ hôn nhân với chị S. Anh thực sự không còn tình cảm với chị S, vợ chồng chỉ sống chung với nhau trong một thời gian ngắn và ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Việc chị S không đồng ý ly hôn chỉ làm tăng thêm mâu thuẫn và kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến sinh hoạt đời tư của nhau. Nay anh thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm thực sự không còn, không thể sống chung với nhau được nữa nên anh làm đơn xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hằng S.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, anh C và chị S có 01 con chung tên là Vũ Thanh T, sinh ngày 15/10/2021. Nay ly hôn, do con chung còn quá nhỏ nên anh đồng ý giao con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Hiện anh đang làm thiết kế thi C xây dựng tại Công ty TNHH C; địa chỉ: số 10 đường P, xóm A, xã N, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Mức lương trung bình mỗi tháng của anh là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Do đó anh chỉ đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị S mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì ông bà nội đã thay mặt anh đi lại thăm nom và có chu cấp tiền cho chị S nuôi con nên anh chỉ đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung kể từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi con chung trưởng thành.

- Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chung sống anh C và chị S không có khoản vay nợ nào chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là chị Nguyễn Thị Hằng S trình bày: Chị S đồng ý với lời trình bày của anh C về điều kiện, thời gian kết hôn là đúng sự thật. Quá trình chung sống chị S và anh C không có mâu thuẫn gì. Chỉ khi chị S mang thai được 01 tháng do động thai nên chị S phải chuyển về sống bên bố mẹ đẻ để có bố mẹ chăm sóc hỗ trợ. Đến tháng 10/2021 thì chị S sinh con. Đến khoảng tháng 12/2021, anh C có biểu hiện bỏ bê gia đình và không quan tâm đến vợ con. Qua tìm hiểu, chị S biết được lý do là từ thời gian chị về bên ngoại đến nay, anh C đang có quan hệ tình cảm và chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm 1990; trú tại căn hộ số 1503, Tòa nhà CT, T, khối H, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Chị T và anh C trước đây có quan hệ yêu đương với nhau. Su khi lấy chị S

thì anh C vẫn tiếp tục đi lại với chị T. Có lần chị S đã bắt gặp chị T ở cùng với anh C ngay trong căn hộ của vợ chồng. Anh C đã có hành vi đánh chị S để cho chị T bỏ chạy trong khi chị S không làm gì cả. Chị S đã tha thứ và mong anh C trở về để gia đình êm ấm nhưng anh C và chị T vẫn coi thường pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng và họ đã có 01 con chung sinh ngày 15/5/2023. Anh C là người đang có gia đình nhưng anh C còn đăng ký tạm trú và sống chung với chị T tại căn hộ của chị T, không có trách nhiệm gì với gia đình, bỏ bê không chăm sóc đến con chung của chị S và anh C. Điều này đã dẫn đến việc anh C nộp đơn đề nghị ly hôn với chị S để hợp thức hóa hôn nhân với chị T. Việc vợ chồng không sống chung với nhau là do lỗi của anh C. Su khi sinh con chị S từ bệnh viện trở về căn hộ của vợ chồng tại Chung cư Huy Hùng, khối Tân Hòa, phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thì anh C khóa cửa không cho chị S vào buộc chị phải về sống cùng với bố mẹ đẻ. Nay anh C đã bán căn hộ đó đi. Do đó việc vợ chồng sống ly thân là do anh C chứ không phải do chị S chủ động ly thân. Việc anh C và chị T ngoại tình đã làm ảnh hưởng vô cùng lớn đối với tâm lý, tinh thần của chị S và ảnh hưởng tới quyền lợi của con gái Vũ Thanh T, ảnh hưởng tới uy tín danh dự của gia đình chị S, gây ra mâu thuẫn tình cảm dẫn. Trong quá trình giải quyết vụ án, để đảm bảo quyền lợi cho mẹ con, để con được sống trong một mái ấm gia đình có cả bố và mẹ nên chị S không đồng ý ly hôn. Chị S đề nghị Tòa án kéo dài thời gian tạo điều kiện cho chị S và anh C có cơ hội hàn gắn quay lại với nhau, cùng nhau nuôi dạy con chung trưởng thành. Tuy nhiên Sau thời gian kéo dài hòa giải, chị S thấy rằng việc níu kéo của chị cũng không thể giúp vợ chồng hàn gắn với nhau, anh C đã không còn tình cảm với chị, việc kéo dài cuộc sống hôn nhân sẽ gây mâu thuẫn hai bên gia đình thêm trầm trọng nên tại phiên tòa hôm nay chị S cũng đồng ý ly hôn với anh Vũ Văn C.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị S và anh C có 01 con chung tên Vũ Thanh T, sinh ngày 15/10/2021. Từ khi ly thân đến nay con chung đều do chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không có trách nhiệm gì với con. Ông bà nội cũng chỉ thỉnh thoảng đến thăm cháu và có chu cấp tiền nhưng không đáng kể. Nay ly hôn, chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Chị S yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) kể từ khi con chung được sinh ra là tháng 10 năm 2021 cho đến khi con chung trưởng thành để con được sống trong môi trường tốt nhất.

- Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chung sống chị S và anh C không có khoản vay nợ nào chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Về thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự thực

hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi nghĩa vụ của họ. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị Hằng S.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Vũ Thanh T, sinh ngày 15/10/2021 cho chị Nguyễn Thị Hằng S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị S mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 01 năm 2024.

Anh C có quyền thăm nom con chung. Chị S cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh C, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Buộc anh Vũ Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Vũ Văn C khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Hằng S có Nơi ĐKNKTT: khối T, phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Nơi ở hiện nay: nhà 02, ngách 01, ngõ 08, đường N, khối 16, phường B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu về việc mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình là luật sư bà Trần Thị Hải L thuộc Văn

phòng luật sư V - Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn tự thực hiện quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa và đề nghị xét xử vắng mặt luật sư. Như vậy, Nguyên đơn đã chấm dứt việc mời luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử không có sự tham gia của Luật sư bà Trần Thị Hải L là đúng quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn C kết hôn với chị Nguyễn Thị Hằng S trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 16 tháng 11 năm 2020. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị S là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa anh C và chị S thấy rằng: Anh C và chị S chỉ sống chung với nhau trong một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong thời kỳ hôn nhân và khi chị S đang nuôi con nhỏ thì anh C có quan hệ tình cảm bất chính và sống chung với người phụ nữ khác là chị Nguyễn Thị Quỳnh T (Sinh năm 1990, trú tại căn hộ số 1503, Tòa nhà CT, T, khối H, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An). Giữa anh C và chị T còn có một con chung sinh ngày 15/5/2023. Việc anh C có quan hệ tình cảm, sống chung và có con chung với chị T trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp với chị S là hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình. Hành vi của anh C làm ảnh hưởng đến chế độ hôn nhân và gia đình giữa anh C và chị S đang được pháp luật bảo vệ. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng hai bên không hàn gắn tình cảm với nhau được. Anh C cương quyết ly hôn, điều đó cho thấy anh không còn thiết tha với cuộc hôn nhân này nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị S không muốn ly hôn nhưng từ năm 2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm nhau, không có trách nhiệm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng không thể dung hòa được, quan hệ hôn nhân không thể duy trì được nữa. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng là phải thương yêu nhau, quan tâm lẫn nhau, tạo điều kiện và giúp nhau phát triển. Tuy nhiên, trên cơ sở các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn và bị đơn cung cấp và Tòa án thu thập được có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa anh C và chị S trên thực tế không còn tồn tại, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay chị S thấy rằng việc níu kéo hôn nhân không giúp vợ chồng hàn gắn với nhau, không thể đưa lại hạnh phúc cho hai bên mà chỉ tăng thêm mâu thuẫn nên chị S cùng đồng ý ly hôn. Do đó, cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Vũ Văn C được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hằng S.

[2.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị Hằng S có 01 con chung tên là Vũ Thanh T, sinh ngày 15/10/2021. Chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành. Anh C cũng đồng ý giao con chung cho chị S nuôi dưỡng. Xét về độ tuổi và giới tính thì cháu Vũ Thanh T là con gái, đang còn quá nhỏ tuổi, dưới 36 tháng tuổi nên cần ở với mẹ sẽ phù hợp về độ tuổi, sự phát triển tâm sinh lý của

con. Do đó cần giao con chung Vũ Thanh T cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị S mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tuy nhiên anh C chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét mức cấp dưỡng mà chị S yêu cầu là quá cao so với mức bình quân thu nhập hàng tháng của một người. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) như ý kiến của anh C là phù hợp.

Về thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị S yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung kể từ khi cháu Vũ Thanh T được sinh ra là từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi con chung trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng, thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ ngày Tòa án tuyên án. Tuy nhiên, anh C đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi con chung trưởng thành. Do đó, cần chấp nhận thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung: Anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị Hằng S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4]. Về án phí: Anh Vũ Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị Hằng S.

[2]. Về nuôi con chung: Giao con chung Vũ Thanh T, sinh ngày 15/10/2021 cho chị Nguyễn Thị Hằng S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Vũ Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị S mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền thăm nom con chung. Chị S cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3]. Về án phí: Anh Vũ Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002021 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Anh Vũ Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5]. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THA dân sự TP Vinh;
- UBND P. T, tp Vinh, Nghệ An
(Đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2020);
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hoa